

Thứ năm, ngày 18 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường ổn định

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/06/2020		•	
Tuần 15/6-19/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thanh khoản thị trường tiếp tục suy giảm khi nhà đầu tư hạn chế giao dịch trước kỳ cơ cấu ETF. VN-Index duy trì nhịp vận động quanh ngưỡng giá 855 trong cả phiên giao dịch. Dòng tiền thị trường không có đột biến so với phiên trước khi có 11/19 nhóm ngành tăng điểm. Khối ngoại bán ròng nhẹ trên HSX và mua ròng trên HNX. BSC khuyến nghị nhà đầu tư nên theo dõi diễn biến giao dịch của các cổ phiếu quan tâm trong phiên thứ 6 và có thể cân nhắc mở vị thế với các cổ phiếu có mức giá hợp lý khi thị trường trở lại bình thường vào đầu tuần sau.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 790 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/06/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch suy giảm.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Stay-at-home_1.6%**

Phân tích kỹ thuật: HPG_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.83** điểm, đóng cửa **855.27** điểm. HNX-Index **-0.53** điểm, đóng cửa **112.74** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+0.85); PLX (+0.48); VCB (+0.43); PLX (+0.35); NVL (+0.33).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.87); GAS (-0.38); VNM (-0.20); MSN (-0.17); HVN (-0.16).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,103** tỷ đồng, giảm **-14.1%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 10.54 điểm, nơi rộng so với phiên liền trước. Thị trường có **186** mã tăng, **69** mã tham chiếu và **176** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **-15.28** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-199.10 tỷ), HDG (-49.98 tỷ) và PLX (-18.10 tỷ).** Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **4.74** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

855.27

Giá trị: 3103.55 tỷ

0.83 (0.1%)

Khối ngoại (ròng): -15.28 tỷ

HNX-INDEX

112.74

Giá trị: 623.32 tỷ

-0.53 (-0.47%)

Khối ngoại (ròng): 4.74 tỷ

UPCOM-INDEX

55.77

Giá trị: 0.43 tỷ

-0.11 (-0.2%)

Khối ngoại (ròng): -4.07 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	38.3	0.90%
Giá vàng	1,737	0.58%
Tỷ giá USD/VND	23,202	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,090	-0.22%
Tỷ giá JPY/VND	21,691	0.01%
LS liên NH 1 tháng	0.7%	-2.43%
LS TPCP 5 năm	2.1%	4.21%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUESSVFL	53.8	VIC	13.6
VHM	50.6	HDG	10.1
PLX	36.5	MSN	9.8
HPG	30.3	VCB	9.8
VRE	12.2	VNM	7.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
18/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Stay-at-home_1.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	13/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Stay-at-home	1.6%	0.6%	2.0%	41.2%	2.4%	2.4%	17.6%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.4%	0.6%	0.2%	7.7%	7.7%	7.7%	26.1%
Vật liệu Xây dựng	1.3%	2.2%	1.4%	47.0%	-0.4%	-0.4%	20.8%
Hàng tiêu dùng	1.3%	0.3%	0.2%	48.6%	-4.1%	-4.1%	19.8%
Lãi suất giảm	0.8%	1.4%	5.0%	49.7%	-1.2%	-1.2%	19.6%
Nước & Năng lượng	0.7%	1.2%	0.8%	29.5%	-8.2%	-8.2%	16.8%
BDS & Khu công nghiệp	0.6%	1.3%	4.9%	34.2%	-6.9%	-6.9%	17.8%
Chiến tranh thương mại	0.5%	1.0%	3.0%	46.4%	-7.3%	-7.3%	18.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.4%	-1.6%	-2.8%	37.2%	-12.4%	-12.4%	21.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.3%	-0.5%	-1.7%	30.1%	-10.3%	-10.3%	18.1%
Ngân Hàng	0.3%	-2.5%	0.9%	33.2%	-4.2%	-4.2%	23.3%
FTSE Việt Nam	0.2%	0.2%	-1.3%	27.1%	-9.1%	-9.1%	17.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	-0.2%	0.3%	34.5%	4.6%	4.6%	15.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.1%	-1.8%	-0.3%	32.9%	-11.6%	-11.6%	19.5%
VN Diamond	0.0%	-2.0%	-2.4%	30.6%	-14.0%	-14.0%	19.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	-0.5%	-2.1%	27.8%	-10.2%	-10.2%	16.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.2%	-2.4%	-1.0%	29.9%	-14.2%	-14.2%	16.8%
VN FinSelect	-0.2%	-2.3%	0.7%	34.5%	-5.9%	-5.9%	20.0%
Corona Avengers	-0.3%	-1.3%	2.0%	50.5%	-0.9%	-0.9%	22.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.3%	-2.4%	0.8%	35.7%	-6.1%	-6.1%	21.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.4%	-2.0%	5.0%	43.0%	-3.1%	-3.1%	22.4%
Ngành Dược	-0.4%	-1.4%	-2.3%	15.1%	-7.9%	-7.9%	18.2%
Dầu khí	-0.4%	-1.8%	2.6%	43.9%	-22.2%	-22.2%	25.3%
Xây dựng	-1.1%	-3.5%	-0.3%	38.1%	-5.3%	-5.3%	19.2%

Mục tiêu	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S11	0.7%	-0.8%	2.0%	28.6%	-1.7%	-1.7%	18.9%
L22	0.6%	-1.0%	0.0%	40.3%	-8.0%	-8.0%	19.9%
M22	0.6%	-0.5%	0.1%	38.0%	-3.0%	-3.0%	18.9%
S21	0.5%	-1.2%	-1.4%	35.5%	-8.3%	-8.3%	20.1%
M12	0.3%	-1.2%	-1.1%	30.1%	-7.2%	-7.2%	20.0%
L11	0.2%	-0.4%	1.8%	31.7%	-8.7%	-8.7%	17.6%
M31	0.0%	-1.7%	0.4%	34.4%	-8.2%	-8.2%	21.2%
L32	-0.1%	-1.0%	1.2%	50.9%	-8.5%	-8.5%	21.2%
S32	-0.2%	-2.1%	-1.7%	43.1%	-16.1%	-16.1%	22.5%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	1.2%	0.6%	2.7%	39.4%	0.4%	0.4%	17.6%
HIGH3	0.9%	-0.5%	-1.4%	37.6%	-1.9%	-1.9%	19.2%
LOW1	0.3%	-1.3%	-0.2%	27.9%	-5.7%	-5.7%	17.2%

INDEX							
VNINDEX	0.1%	-1.0%	-1.1%	29.1%	-11.0%	-11.0%	16.9%
VN30INDEX	0.1%	-1.3%	-1.1%	30.5%	-9.3%	-9.3%	17.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	13	11	12	12	18	6
Mục tiêu	9	6	3	3	6	6	3
Rủi ro	3	3	0	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

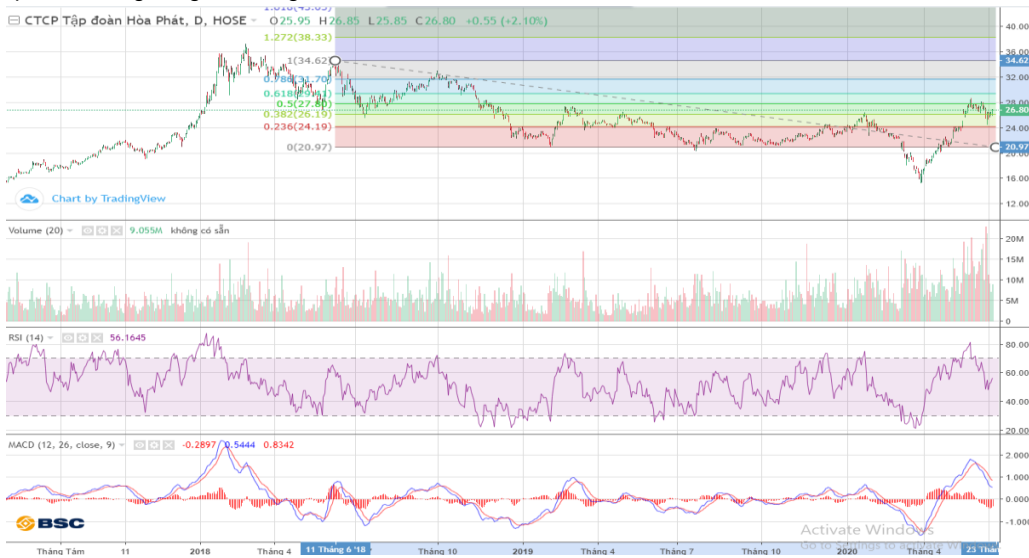
Phân tích kỹ thuật

HPG_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: HPG đang hình hành nhịp hồi phục sau khi chạm lại ngưỡng đáy ngắn hạn 25.3. Thanh khoản cổ phiếu hiện vẫn nằm dưới ngưỡng trung bình 20 phiên nhưng đã có dấu hiệu hồi phục trở lại theo đà tăng của bước giá. Chỉ báo MACD vẫn đang cho thấy dấu hiệu điều chỉnh trong khi chỉ báo RSI đang cho thấy nhịp hồi phục. Đường giá cổ phiếu cũng đã quay lại dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đang thành hình. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh vùng giá 26-27 và có thể cân nhắc chốt lãi tại vùng kháng cự 32 trong các phiên giao dịch tới. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 24.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 18/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	37.17	-2.08%	2.30%	17.40%	-29.66%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.11	-1.47%	4.00%	14.80%	-36.31%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	120.45	-0.89%	7.70%	15.50%	-28.09%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1725.17	-0.10%	-0.10%	-1.10%	21.61%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.46	-0.25%	-1.10%	0.60%	14.00%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	876.00	-0.06%	-0.10%	2.70%	-7.47%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	491.75	-0.46%	-2.80%	-1.70%	-10.79%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.95	0.96%	2.40%	25.80%	25.07%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	146.10	-0.29%	-2.60%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.26	-0.16%	-1.00%	16.80%	-12.49%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.15	2.67%	-0.40%	-9.10%	-10.53%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5770.00	0.72%	-2.30%	11.40%	-2.50%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	510.09	0.56%	0.30%	1.80%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1607.50	0.63%	-1.20%	10.00%	-9.89%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	109.04	-0.05%	1.00%	10.90%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	52.10	-1.42%	-2.10%	-4.60%	-32.47%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent giảm 25 US cent hay 0.6% xuống 40.71 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI giảm 42 US cent hay 1.1% xuống 37.96 USD/thùng.
- Tồn kho dầu thô của Mỹ tăng lên mức cao kỷ lục trong tuần trước, đạt hơn 539 triệu thùng. Nhu cầu nhiên liệu của Mỹ giảm 20% trong 4 tuần qua so với cùng kỳ một năm trước. Sản lượng dầu thô của Mỹ giảm 600,000 thùng/ngày trong tuần trước xuống 10.5 triệu thùng/ngày, thấp nhất kể từ tháng 3/2018, một phần do cơn bão Cristobal khiến đóng cửa hơn 1/3 sản xuất ngoài khơi của Mỹ. Các nhà sản xuất dầu đá phiến của Mỹ dự kiến khôi phục sản xuất khoảng nửa triệu thùng dầu thô mỗi ngày vào cuối tháng 6.
- Lo ngại kéo dài về sự lây lan của virus corona tại một số khu vực và nguy cơ làm sống dậy nhiễm thứ hai ở những nơi sự lây truyền bắt đầu chậm lại. Để hạn chế sự lây lan của virus ở Bắc Kinh, nhiều chuyến bay đã bị hủy bỏ và trường học đóng cửa.
- Hoạt động kinh tế yếu vẫn đang đè nặng lên nhu cầu dầu thô. Nhập khẩu dầu tại Nhật Bản, nước mua dầu lớn thứ 4 thế giới, đã giảm trong tháng 5 xuống mức thấp nhất trong gần 3 thập kỷ.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA duy trì tại 1,726.24 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York giảm nhẹ xuống 1,735.6 USD/ounce. Vàng tăng trong phiên do những lo ngại về sự bùng phát virus corona mới tại Trung Quốc lần 2 áp lực từ sự gia tăng ở Phố Wall bởi sự gia tăng kỷ lục trong doanh số bán lẻ của Mỹ và lạc quan đối với thuốc chống Covid-19.
- Giá vàng thay đổi ít trong phiên qua, bởi lo ngại về làn sóng nhiễm virus corona thứ hai và dự đoán Cục dự trữ liên bang Mỹ sẽ vẫn duy trì lãi suất thấp trong ngắn hạn, trong khi USD mạnh lên đã hạn chế đà tăng. Các nhà đầu tư cũng đang theo dõi sự phát triển ở Bắc Kinh khi họ hủy bỏ các chuyến bay nội địa trong ngày 17/6, tăng cường nỗ lực hạn chế sự bùng phát mới của virus corona.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên giảm 1.2%. Quặng sắt trên sàn giao dịch.
- Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 0.2% xuống 3,585 CNY (505.78 USD)/tấn, trong khi thép cuộn cán nóng giảm 0.1%. Giá thép thanh của Trung Quốc giảm phiên thứ hai liên tiếp do các nhà đầu tư lo lắng về nguy cơ dư thừa, với sản lượng thép tại nước tiêu thụ kim loại hàng đầu thế giới này duy trì tốc độ tăng trưởng mạnh bất chấp những dấu hiệu nhu cầu trong nước đang suy yếu. Tốc độ sụt giảm tồn kho thép thanh hàng tuần của Trung Quốc dần chậm lại trong 3 tuần qua, theo công ty tư vấn SteelHome. Một phần do mùa mưa bắt đầu tại miền nam Trung Quốc có thể làm chậm lại hoạt động xây dựng, số ca nhiễm virus corona trong nước tăng vọt cũng có thể làm giảm nhu cầu thép.

Giá cao su

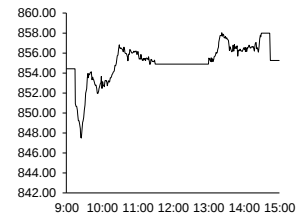
- Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn TOCOM giảm 0.4 JPY hay 0.3% xuống 157.2 JPY/kg. Đồng thời, giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 25 CNY lên 10,325 CNY/tấn. Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) giảm sau một khảo sát của Reuters cho thấy tâm lý kinh doanh trở nên ảm đạm hơn trong bối cảnh bùng phát virus corona và do xuất khẩu giảm mạnh.
- Tâm lý sản xuất tại Nhật Bản đã tồi tệ hơn khi đại dịch Covid-19 nâng khả năng suy thoái kéo dài trong nền kinh tế toàn cầu, theo một khảo sát của Reuters.
- Xuất khẩu của Nhật Bản giảm trong tháng 5 với tốc độ nhanh nhất kể từ năm 2009 do xuất khẩu ô tô sang Mỹ giảm, chỉ ra sự sụt giảm sâu hơn trong quý này tại nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn ICE giảm 0.08 US cent hay 0.7% xuống 12.11 US cent/lb do thị trường thoái lui sau khi không phá vỡ được mức kháng cự trong phiên trước đó tại 12.27 US cent, cao nhất 3 tháng đã thiết lập trong tháng này. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn London giảm 3.8 USD hay 1.0% xuống 386.1 USD/tấn. Các đại lý cho biết yếu tố giảm giá gồm mùa mưa thuận lợi tại Ấn Độ đã thúc đẩy triển vọng cho cây mía. Tiếp tục có mối quan tâm về việc chậm trễ vận chuyển tại Brazil với sản lượng tại khu vực trung nam tăng mạnh so với mức năm trước.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 giảm 2.55 US cent hay 2.7% xuống 98.15 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 tăng 5 USD hay 0.4% lên 1,182 USD/tấn. Các đại lý cho biết thị trường vẫn ở thể phòng thủ với nguồn cung dồi dào khi nước sản xuất hàng đầu thế giới Brazil thu hoạch một vụ lớn.

Hình 1

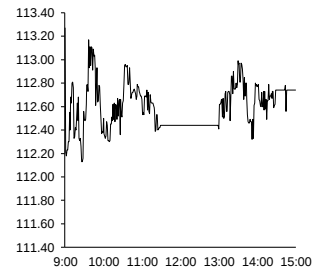
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

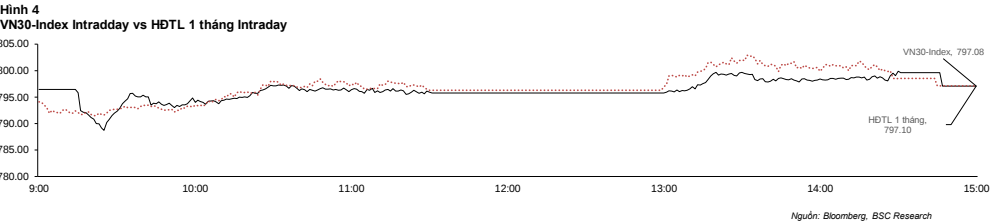
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-1.03%
Dịch vụ tài chính	-0.66%
Bán lẻ	-0.31%
Truyền thông	-0.31%
Du lịch và Giải trí	-0.12%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.07%
Xây dựng và Vật liệu	-0.02%
Y tế	0.00%
Bất động sản	0.04%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.07%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.21%
Thực phẩm và đồ uống	0.25%
Bảo hiểm	0.30%
Ngân hàng	0.32%
Công nghệ Thông tin	0.33%
Tài nguyên Cơ bản	0.37%
Hóa chất	0.45%
Dầu khí	1.57%
Viễn thông	4.38%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2006	797.10	-0.45%	0.02	-42.8%	100,844	6/18/2020	0
VN30F2007	787.40	-0.08%	-9.68	176.3%	31,550	7/16/2020	28
VN30F2009	777.10	-0.50%	-19.98	2.6%	119	9/17/2020	91
VN30F2012	775.00	-0.03%	-22.08	-14.6%	88	12/17/2020	182

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ 0.65 điểm lên mức 797.08 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, NVL, VIC, và STB tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 giảm mạnh đầu phiên xuống dưới 790, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch vận động phục hồi lên gần 800 điểm, thu hẹp biên độ tăng trong phiên ATC. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy quanh vùng giá 780-800 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2007, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tích lũy. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 790 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG2001	HSC	6/30/2020	12	2:1	153,240	8656.6%	5.0 triệu	36.36%	1,800	1,440	12.50%	1,107	1.30
CHPG2008	SSI	11/30/2020	165	1:1	75,590	174.9%	5.0 triệu	36.36%	4,100	3,450	10.58%	2,002	1.72
CHPG2005	VND	10/1/2020	105	1:1	44,640	-44.5%	2.0 triệu	36.36%	2,100	7,400	5.56%	7,437	1.00
CHPG2002	KIS	12/16/2020	181	2:1	188,270	131.7%	3.0 triệu	36.36%	1,700	1,590	4.61%	751	2.12
CVRE2003	KIS	12/16/2020	181	2:1	134,080	-84.8%	3.0 triệu	43.26%	3,000	1,140	1.79%	420	2.72
CFPT2004	SSI	8/10/2020	53	1:1	25,160	-24.8%	2.0 triệu	32.44%	5,100	6,760	0.75%	5,235	1.29
CDPM2002	KIS	12/16/2020	181	1:1	54,930	-15.4%	2.0 triệu	40.43%	1,700	2,220	0.45%	1,273	1.74
CVPB2005	MBS	8/18/2020	61	2:1	121,450	9.0%	2.0 triệu	43.88%	1,510	1,900	0.00%	1,724	1.10
CTCB2004	MBS	8/18/2020	61	2:1	92,210	247.2%	2.0 triệu	36.26%	1,050	1,980	0.00%	1,809	1.09
CVNM2004	SSI	11/30/2020	165	1:1	8,420	-41.8%	2.0 triệu	31.34%	17,500	16,300	-0.12%	9,913	1.64
CFPT2005	VND	7/1/2020	13	1:1	21,520	119.8%	1.0 triệu	32.44%	2,900	5,730	-0.69%	5,367	1.07
CVNM2003	MBS	9/4/2020	78	10:1	105,080	-55.4%	3.0 triệu	31.34%	1,450	2,520	-1.56%	2,327	1.08
CMWG2007	SSI	11/30/2020	165	1:1	11,500	-17.8%	2.0 triệu	39.72%	12,900	10,740	-1.65%	8,156	1.32
CMBB2002	SSI	8/10/2020	53	1:1	373,360	596.6%	3.0 triệu	34.36%	1,300	940	-4.08%	680	1.38
CSTB2002	KIS	12/16/2020	181	1:1	156,780	-24.5%	3.0 triệu	40.48%	1,700	2,090	-4.57%	1,310	1.60
CVRE2004	KIS	7/16/2020	28	1:1	301,360	153.5%	1.0 triệu	43.26%	1,940	960	-4.95%	507	1.89
CHDB2003	KIS	12/16/2020	181	2:1	84,110	1956.5%	2.0 triệu	39.41%	2,700	1,470	-5.77%	728	2.02
CSTB2004	SSI	11/30/2020	165	1:1	156,170	391.6%	5.0 triệu	40.48%	1,400	1,980	-6.60%	1,672	1.18
CSTB2003	KIS	9/16/2020	90	1:1	587,780	79.2%	3.0 triệu	40.48%	1,360	1,690	-8.15%	1,246	1.36
CMBB2004	VND	7/1/2020	13	1:1	154,850	70.1%	2.0 triệu	34.36%	1,100	800	-17.53%	659	1.21
Tổng:					2,697,260		48.00 triệu	37.47%**					

Chủ thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 18/06/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch suy giảm.

- Về giá, CNVL2001 và CHPG2001 tăng mạnh lần lượt là 19.21% và 12.50%. Trái lại, CROS2002 và CFPT2002 giảm mạnh lần lượt là -20.00% và -15.04%. Giá trị giao dịch giảm -17.61%. CSTB2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.10% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, STB, VHM, VNM, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinh1q@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	26.80	2.10	1.19
NVL	58.30	2.10	0.53
VCB	85.00	0.95	0.43
VJC	111.00	1.09	0.41
VHM	76.50	0.66	0.26

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	91.0	-0.98	-0.57
STB	11.4	-1.72	-0.47
MSN	57.0	-0.87	-0.31
TCB	20.2	-0.49	-0.30
VNM	115.2	-0.35	-0.30

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2001	27,600	24,000	26,800
CHPG2008	32,100	28,000	26,800
CHPG2005	21,100	19,000	26,800
CHPG2002	33,399	29,999	26,800
CVRE2003	43,999	37,999	27,550
CFPT2004	55,100	50,000	46,600
CDPM2002	16,952	15,252	14,100
CVPB2005	22,520	19,500	22,300
CTCB2004	19,100	17,000	20,200
CVNM2004	135,500	118,000	115,200
CFPT2005	51,900	49,000	46,600
CVNM2003	108,500	94,000	115,200
CMWG2007	99,900	87,000	83,800
CMBB2002	19,300	18,000	17,300
CSTB2002	13,588	11,888	11,400
CVRE2004	4,939	2,999	27,550
CHDB2003	37,523	32,123	26,550
CSTB2004	12,400	11,000	11,400
CSTB2003	12,471	11,111	11,400
CMBB2004	18,100	17,000	17,300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.8	0.0%	1.2	1,650	1.3	8,808	9.5	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	58.2	-0.2%	1.3	570	0.8	5,248	11.1	2.6	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	48.0	0.0%	1.3	1,549	0.6	1,307	36.7	1.8	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.8	0.7%	0.4	299	0.1	2,092	14.7	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	91.0	-1.0%	0.8	13,383	1.2	2,095	43.4	3.8	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.6	0.2%	1.1	2,722	2.0	1,226	22.5	2.3	30.7%	10.3%
NVL	Bất động sản	58.3	2.1%	0.8	2,458	2.0	3,584	16.3	2.5	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	30.9	0.8%	0.8	417	0.2	4,976	6.2	0.9	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	12.1	0.4%	1.4	272	1.0	2,289	5.3	0.9	40.6%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.0	0.0%	1.3	392	1.2	1,415	10.6	0.8	50.5%	7.8%
VCI	Chứng khoán	21.9	-1.6%	1.0	156	0.4	4,240	5.2	0.9	28.4%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.6	-1.1%	1.8	246	1.0	1,480	12.5	1.3	52.7%	12.0%
FPT	Công nghệ	46.6	0.5%	0.8	1,588	1.7	4,804	9.7	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	54.5	4.4%	0.4	589	0.2	4,812	11.3	2.9	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.2	-1.0%	1.5	6,008	1.0	5,820	12.4	2.7	3.4%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.7	2.1%	1.5	2,418	2.6	869	53.7	3.0	13.4%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.3	-0.8%	1.6	256	0.8	1,238	9.9	0.5	11.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.1	0.0%	0.8	957	0.5	898	7.9	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.0	0.0%	0.5	523	0.0	5,046	18.2	3.4	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.1	0.7%	0.4	240	1.0	1,006	14.0	0.7	11.4%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.5	-0.7%	0.4	196	0.2	415	20.5	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	85.0	1.0%	1.2	13,707	6.7	4,848	17.5	3.7	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.5	0.5%	1.4	7,082	1.1	2,140	18.9	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	22.9	-0.4%	1.2	3,707	2.0	2,510	9.1	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.3	-0.2%	1.2	2,364	1.5	3,750	5.9	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.3	0.0%	1.1	1,814	1.7	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.8	0.4%	1.0	1,721	1.3	3,780	6.3	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	51.5	3.6%	0.9	183	0.3	5,303	9.7	1.6	80.7%	17.0%
NTP	Nhựa	37.9	0.8%	0.5	162	0.1	4,208	9.0	1.5	18.8%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.9	1.3%	0.5	684	0.0	356	44.7	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	26.8	2.1%	1.1	3,217	10.4	2,764	9.7	1.5	35.8%	17.4%
HSG	Thép	11.4	-1.3%	1.5	219	3.5	1,493	7.6	0.8	13.4%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	115.2	-0.3%	0.8	8,722	2.6	5,453	21.1	6.7	58.9%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	166.3	0.1%	0.8	4,637	0.2	6,719	24.8	6.2	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	57.0	-0.9%	1.0	2,897	2.3	3,961	14.4	1.6	39.1%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.8	0.0%	0.8	378	1.3	171	86.7	1.2	6.0%	1.5%
ACV	Vận tải	62.2	-1.0%	0.8	5,887	0.5	3,450	18.0	3.7	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	111.0	1.1%	1.1	2,528	1.7	7,110	15.6	3.9	18.3%	26.3%
HVN	Vận tải	27.6	-1.4%	1.7	1,699	0.6	1,654	16.7	2.2	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.4	0.0%	0.9	250	0.2	1,583	12.3	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.7	-0.9%	1.1	130	0.2	2,117	5.0	0.7	25.5%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.4	-0.2%	0.9	421	0.2	9,201	6.8	2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.9	4.5%	0.8	388	1.0	1,453	13.7	1.4	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.6	0.0%	1.0	226	0.0	1,938	7.0	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	62.6	-0.2%	1.1	208	0.7	8,032	7.8	0.6	46.3%	7.3%
VCG	Xây dựng	26.2	0.8%	0.3	503	0.2	1,498	17.5	1.7	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	18.9	-1.6%	0.3	196	0.7	1,775	10.6	0.9	39.8%	8.5%
POW	Điện	10.4	-1.4%	0.6	1,059	1.0	1,028	10.1	0.9	11.8%	9.4%
NT2	Điện	21.4	0.0%	0.5	267	0.3	2,543	8.4	1.4	17.9%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	85.00	0.95	0.85	1.81MLN
VHM	76.50	0.66	0.48	1.64MLN
HPG	26.80	2.10	0.43	9.06MLN
PLX	46.70	2.08	0.35	1.27MLN
NVL	58.30	2.10	0.33	802170.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.87	312850.00	1.11MLN
GAS	0.00	-0.38	317660.00	607060.00
VNM	0.00	-0.20	523160.00	373600.00
MSN	0.00	-0.17	928290.00	192700.00
HVN	0.00	-0.16	478230.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGW	32.35	6.94	0.03	1.05MLN
LDG	6.63	6.94	0.03	7.18MLN
LGL	5.56	6.92	0.01	174210.00
QBS	3.09	6.92	0.00	1.70MLN
VAF	8.83	6.90	0.01	10.00

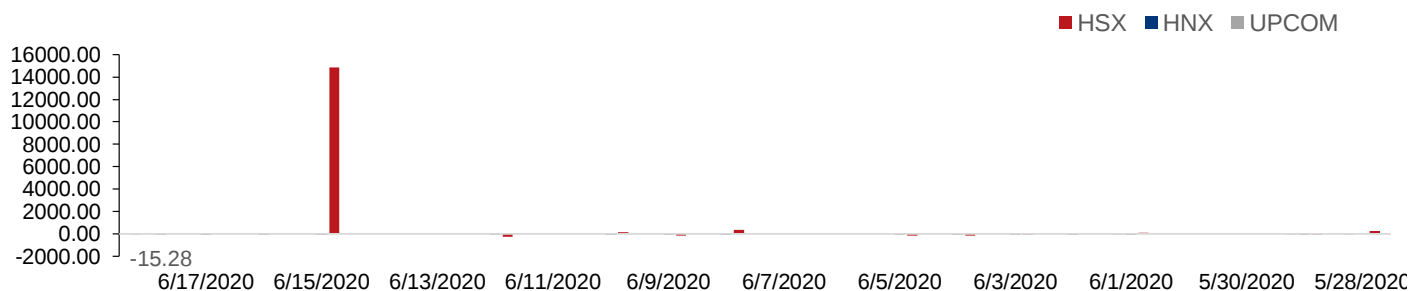
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ATG	0.80	-6.98	0.00	222610.00
TNI	5.75	-6.96	-0.01	11.69MLN
VID	6.43	-6.95	0.00	5570.00
ITA	4.96	-6.94	-0.10	2.28MLN
VIS	17.50	-6.91	-0.03	110.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



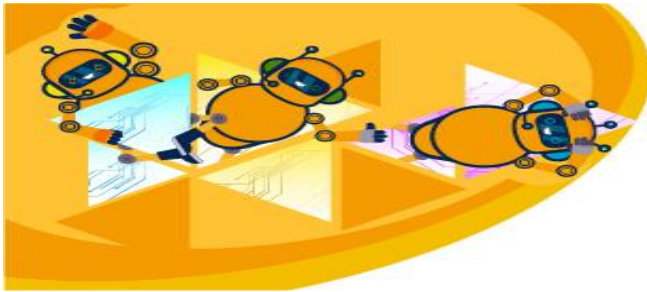
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	57.0	3,961	14.4	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	38.0	4,717	8.1	1.4	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.4	1,493	7.6	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	43.0	5,479	7.8	2.1	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	20.5	1,140	17.9	1.7	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	26.8	2,764	9.7	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.2	2,987	6.8	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	58.2	5,248	11.1	2.6	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	136.1	5,718	23.8	8.4	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	12.1	2,289	5.3	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.1	1,496	10.1	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.9	7,637	2.7	1.0	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	22.4	5,311	4.2	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	32.4	4,465	7.2	1.4	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	85.0	4,848	17.5	3.7	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.8	3,780	6.3	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	37.4	6,553	5.7	1.4	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	51.4	3,887	13.2	2.6	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	46.6	4,804	9.7	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.4	1,583	12.3	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương
VEA 2020Q2	27/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (-19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giá định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019).
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lò cao, thị phần đạt 70%. 6 lò cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: phập phù, 5: chạy full, 6: còn đang lắp
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn.
VTP 2020Q2	19/5/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn